

MẪU CBTT-03

(Ban hành kèm theo Thông tư số 38/2007/TT-BTC ngày 18/4/2007 của Bộ

trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về việc Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)

**CTY CPCB&XNK THỦY SẢN
CADOVIMEX**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÓM TẮT
NĂM 2009**

I.A. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(Áp dụng với các doanh nghiệp trong lĩnh vực sản xuất; chế biến, dịch vụ)

Stt	Nội dung	Số dư đầu kỳ (01/01/2009)	Số dư cuối kỳ (31/12/2009)
I	Tài sản ngắn hạn	738,187,981,458	771,055,854,196
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	10,962,885,513	7,966,432,313
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	-	-
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	291,656,995,183	187,207,991,707
4	Hàng tồn kho	398,583,052,465	517,511,143,967
5	Tài sản ngắn hạn khác	36,985,048,297	58,370,286,209
II	Tài sản dài hạn	277,484,543,173	436,250,813,074
1	Các khoản phải thu dài hạn	95,732,293,720	118,346,904,271
2	Tài sản cố định	156,607,999,911	294,927,186,034
	- Tài sản cố định hữu hình	127,126,728,074	276,714,855,135
	- Tài sản cố định vô hình	6,042,666,989	18,212,330,899
	- Tài sản cố định thuê tài chính	-	-
	- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	23,438,604,848	-
3	Bất động sản đầu tư	-	-
4	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	20,547,500,000	17,547,500,000

Stt	Nội dung	Số dư đầu kỳ (01/01/2009)	Số dư cuối kỳ (31/12/2009)
5	Tài sản dài hạn khác	4,596,749,542	5,429,222,769
III	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	1,015,672,524,631	1,207,306,667,270
IV	Nợ phải trả	795,511,706,564	980,996,267,944
1	Nợ ngắn hạn	690,711,992,672	853,750,085,591
2	Nợ dài hạn	104,799,713,892	127,246,182,353
V	Vốn chủ sở hữu	182,057,088,119	186,744,312,895
1	Vốn chủ sở hữu	180,096,919,940	185,509,798,387
	- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	80,000,000,000	80,000,000,000
	- Thặng dư vốn cổ phần	86,031,742,632	86,031,742,632
	- Vốn khác của chủ sở hữu	7,089,874,664	7,089,874,664
	- cổ phiếu quỹ	-	-
	- Chênh lệch đánh giá lại tài sản	-	-
	- Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-
	- Các quỹ	5,725,112,844	5,725,112,844
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	1,250,189,800	6,663,068,247
	- Nguồn vốn đầu tư XDCB	-	-
2	Nguồn kinh phí và quỹ khác	1,960,168,179	1,234,514,508
	- Quỹ khen thưởng phúc lợi	1,960,168,179	1,234,514,508
	- Nguồn kinh phí	-	-
	- Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	-	-

Stt	Nội dung	Số dư đầu kỳ (01/01/2009)	Số dư cuối kỳ (31/12/2009)
VI	LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	38,103,729,948	39,566,086,431
VII	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	1,015,672,524,631	1,207,306,667,270

Ngày 20 tháng 01 năm 2010

TỔNG GIÁM ĐỐC
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)



Trần Gia Phong

II.A. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

(Áp dụng với các doanh nghiệp trong lĩnh vực sản xuất; chế biến, dịch vụ)

Stt	Chỉ tiêu	Kỳ báo cáo (01/10/2009- 31/12/2009)	Lũy kế (01/01/2009- 31/12/2009)
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	314,382,006,253	1,285,543,493,475
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	6,082,275,783	12,170,719,623
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	308,299,730,470	1,273,372,773,852
4	Giá vốn hàng bán	261,085,765,055	1,120,979,956,186
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	47,213,965,415	152,392,817,666
6	Doanh thu hoạt động tài chính	10,930,075,745	17,068,820,058
7	Chi phí tài chính	7,341,500,921	59,128,842,494
8	Chi phí bán hàng	15,857,995,915	56,025,071,216
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	33,130,125,447	48,205,443,219
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	1,814,418,877	6,102,280,795
11	Thu nhập khác	1,215,902,377	2,307,361,975
12	Chi phí khác	694,241,631	855,007,456
13	Lợi nhuận khác	521,660,746	1,452,354,519
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	2,336,079,623	7,554,635,314
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	391,776,959
16	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	2,336,079,623	7,162,858,355
16.1	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	1,423,612,990	1,462,356,483
16.2	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	912,466,633	5,700,501,872
17	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	281	846
18	Cổ tức trên mỗi cổ phiếu	-	-

Ngày 20 tháng 01 năm 2010

TỔNG GIÁM ĐỐC

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)



Trần Gia Phong

V. CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CƠ BẢN

(Chỉ áp dụng đối với báo cáo năm)

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kỳ trước (01/01/2008- 31/12/2008)	Kỳ báo cáo (01/01/2009- 31/12/2009)
1	Cơ cấu tài sản			
	- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	27.32	27.32
	- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản		72.68	63.87
2	Cơ cấu nguồn vốn			
	- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	78.32	81.25
	- Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn		17.92	15.47
3	Khả năng thanh toán			
	- Khả năng thanh toán nhanh	Lần	0.02	0.01
	- Khả năng thanh toán hiện hành		1.28	1.23
4	Tỷ suất lợi nhuận			
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	0.17	0.59
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần		0.18	0.56
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Nguồn vốn chủ sở hữu		0.96	3.84

Ngày 20 tháng 01 năm 2010

TỔNG GIÁM ĐỐC

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)



Đặng Gia Phong